TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. ĐÀ NẴNG
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/KDTM-ST
Ngày 27.3.2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thùy**
Hội thẩm nhân dân: - Ông **Phạm Xoa**
- Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Đặng Thị Ngọc Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng*** tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ly Na** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hải Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 67/2017/TLST-KDTM ngày 11.10.2017 về "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐST-KDTM ngày 16.01.2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-KDTM ngày 06.02.2018 và thông báo hoãn phiên tòa số 01/2018/TB-TA ngày 05.3.2018 giữa:

**** Nguyªn ®¬n:*** Công ty L

Địa chỉ trụ sở: 306C đường N, phường P, thành phố B, tỉnh B. Người đại diện theo ủy quyền bà Lê Thị Thu P. Địa chỉ: 28 đường Đ, phường A, quận P, thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền số 1209/UQ/GĐ-APL ngày 12.9.2017) (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

**** Bị đơn:*** Công ty TNHH M

Địa chỉ đăng ký trong giấy chứng nhận đầu tư (lần đầu): 35 đường T, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: H; Chỗ ở hiện nay: 31 đường Y, quận B, thành phố Hà Nội; Chức vụ: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - bà Lê Thị Thu P trình bày:*

Vào ngày 10.7.2017, công ty L và Công ty TNHH M đã ký kết một hợp đồng dịch vụ pháp lý (sau đây gọi tắt là "HĐDVPL"), theo đó Công ty L cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý về những đề xuất sửa đổi, bổ sung hợp đồng thuê địa điểm và hợp đồng mua bán điện mà Công ty M đã ký kết với Tổng Công ty C và những dịch vụ tư vấn pháp lý khác (chi tiết mô tả tại bản HĐDVPL nộp kèm đơn khởi kiện). Thời gian cung cấp dịch vụ là một tháng tính từ 10/07/2017; Thời điểm thanh toán toàn bộ phí dịch vụ pháp lý là ngày 10.08.2017; Phí dịch vụ là 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng) chưa bao gồm thuế GTGT.

Theo HĐDVPL đã ký kết, công ty L đã tiến hành cung cấp các dịch vụ pháp lý như cam kết cho Công ty M. Dịch vụ cung cấp gồm các nội dung theo hợp đồng pháp lý các bên ký kết cụ thể như sau:

+ Về Điểm "a) Hỗ trợ M trả lời các đề xuất sửa đổi của ACV đối với các bản Hợp đồng thuê và Hợp đồng mua bán điện hiện tại" nguyên đơn đã trả lời các đề xuất sửa đổi liên quan đến Hợp đồng thuê và Hợp đồng mua bán điện hiện tại do bị đơn hỏi qua điện thoại, email hoặc ACV đặt câu hỏi với bị đơn bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt.

+ Về Điểm "b) Hỗ trợ M tham gia đàm phán với ACV" nguyên đơn tham gia cuộc họp tại trụ sở Cảng hàng không Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh, nguyên đơn đã tham gia 01 buổi từ 8 giờ 00 phút đến 12 giờ 00 phút tổng cộng là 04 giờ.

+ Về Điểm "c) Hỗ trợ M giải đáp các thắc mắc của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Đà Nẵng liên quan đến các điều khoản của hợp đồng thuê, hợp đồng mua bán điện và các đề xuất sửa đổi, bổ sung hợp đồng." nguyên đơn đã chuẩn bị hồ sơ, giải đáp thắc mắc cho bị đơn, nguyên đơn nghiên cứu luật, dự kiến các câu hỏi khi tham gia tại các cuộc họp, thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 10.7.2017 đến ngày 10.8.2017.

Sau khi Công ty L hoàn thành toàn bộ các công việc trên, Công ty M không có ý kiến gì và hoàn toàn hài lòng với dịch vụ pháp lý mà đã cung cấp nhưng không thanh toán khoản phí nào cho Công ty L dù đã quá hạn thanh toán. Công ty L đã rất nhiều lần nhắc nhở Công ty M thanh toán phí dịch vụ như cam kết theo HĐDVPL. Vào lúc 9 giờ 32 phút ngày 31.8.2017, sau khi nguyên đơn yêu cầu thanh toán bị đơn đã có email trả lời về nội dung thanh toán "Phí dịch vụ sẽ được chuyển khoản theo hai đợt vào tài khoản của chị tối đa là từ 31/8 đến 6/9, lý do là nghiệp vụ chuyển khoản yêu cầu phải có thời gian chờ giữa hai đợt. Hai đợt chuyển khoản đó sẽ ghi có thành công vào tài khoản của chị vào tuần tới này". Tuy nhiên Công ty M nhiều lần lấy lý

do thủ tục chuyển khoản chậm trễ để không thanh toán. Cho đến tận thời điểm Công ty L thông báo cho Công ty M về việc sẽ tiến hành các thủ tục khởi kiện Công ty M ra tòa án có thẩm quyền, Công ty M vẫn không phản hồi bất cứ thông báo nhắc nợ nào của Công ty L và cố tình không thanh toán phí dịch vụ.

Ngày 26.3.2018 Tòa án nhân dân quận Hải Châu nhận được đơn đề nghị xét xử vắng mặt của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Thu Phương. Nội dung trong đơn đề nghị gồm:

- Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghi Tòa án buộc Công ty TNHH M phải thanh toán cho công ty L một lần và ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật đối với toàn bộ phí dịch vụ chưa thanh toán và lãi chậm trả là 10%/năm trên số tiền chậm trả tính từ ngày 10.08.2017 cho đến khi thanh toán xong cho Công ty L. Tổng số tiền mà Công ty M phải thanh toán cho Công ty L tính đến ngày xét xử sơ thẩm - ngày 27.3.2018 là 223.175.342 đồng (Hai trăm hai mươi ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng), chưa bao gồm thuế GTGT. Bao gồm:

+ Phí dịch vụ: 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng) chưa bao gồm GTGT;

+ Lãi chậm trả tính từ ngày 11.08.2017 đến ngày 27.3.2018: 13.175.342 đồng (Mười ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng).

** Theo đơn giải trình ngày 18.10.2017 của bà H là người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH M trình bày:*

Ngày 10.7.2017 bà có đại diện cho đơn vị của bà là công ty TNHH M ký một hợp đồng dịch vụ pháp lý đối với công ty L. Việc ký hợp đồng này với mục đích thông qua đơn vị luật bà tự tin hơn trong vốn tiếng Việt chuyên ngành luật khi làm việc tại Việt Nam, đặc biệt là những vấn đề liên quan khi đàm phán bà muốn các nội dung phải thực hiện đúng luật Việt Nam. Trong hợp đồng được ký kết có nêu rất rõ các dịch vụ pháp lý mà đơn vị L phải làm và thời hạn cung cấp dịch vụ là 01 tháng kể từ ngày 10.7.2017. Nội dung mà L phải làm là:

a) Hỗ trợ M trả lời các đề xuất sửa đổi của ACV đối với các bản Hợp đồng thuê và Hợp đồng mua bán điện hiện tại.

b) Hỗ trợ M tham gia đàm phán với ACV.

c) Hỗ trợ M giải đáp các thắc mắc của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Đà Nẵng liên quan đến các điều khoản của hợp đồng thuê, hợp đồng mua bán điện và các đề xuất sửa đổi, bổ sung hợp đồng.

Tuy nhiên sau đó công ty L đã gần như chỉ tham gia vào quá trình đàm phán nhưng hoàn toàn không giúp được bất cứ lợi ích nào ngoài việc gần như chỉ đi theo mà thôi. Một lần tham gia cùng bà và một lần ra Đà Nẵng của nhân sự công ty L (01

người) bà đã lo toàn bộ chi phí đi lại ăn ở và tất cả các chi phí phát sinh khác và đưa cho luật sư P 1.000USD. Sau đó cô P thấy bà dễ dãi, không hiểu luật nên đề nghị bà ký hợp đồng với công ty luật của cô. Do vốn kiến thức ít ỏi về luật bản thân bà phải tự học tiếng Việt thêm, bà không hiểu biết gì nên bà đã ký với công ty L để nhận kết quả là chi phí hợp đồng quá lớn nhưng kết quả thu lại là không có. Công ty M phải tự liên hệ đối tác và các cơ quan chức năng, tự soạn thảo, hiệu chỉnh rồi mới chuyển sang đơn vị luật để chỉ nhận được vài ba từ sửa. Bà sẵn sàng thanh toán nhưng bà không đồng ý thanh toán số tiền trong hợp đồng vì bên công ty L chưa làm được gì trong 3 mục a, b, c trong hợp đồng.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - ông Nguyễn P trình bày tại phiên hòa giải ngày 21.11.2017:*

- Về đạo đức luật sư: việc khởi kiện thân chủ, cung cấp các thông tin của thân chủ cho các cơ quan, đơn vị các thông tin của thân chủ. Được biết vừa qua có các nhà báo vào làm việc liên quan đến thân chủ.

- Về năng lực luật sư: Nguyên đơn kiện ra Tòa thành phố Đà Nẵng sai thẩm quyền, hợp đồng với M trong khi đó nguyên đơn lại khởi kiện bà H làm hạ thấp uy tín cá nhân của bà. Nguyên đơn có đơn yêu cầu cấm xuất nhập cảnh đối với bà H trong khi luật không cho phép. Vừa không có năng lực vừa không có đạo đức. Bà H sẽ làm đơn gửi Liên đoàn Luật sư Việt Nam và Bộ tư pháp xem xét tư cách cá nhân của luật sư.

- Về yêu cầu: Hủy hợp đồng do các bên ký kết theo hợp đồng pháp lý ngày 10.7.2017 do gian dối vì một người nước ngoài không hiểu tiếng Việt như bà H cứ nghĩ 30 ngày là xong việc nhưng thực tế là không xong. Do đó, nếu không xong (02 hợp đồng) vẫn tiếp tục gia hạn và vẫn phải tiếp tục trả tiền mãi mãi. Do đó bị đơn yêu cầu hủy hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 10.7.2017. Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 74, 85, 306 Luật thương mại 2005 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 223.175.342 đồng (Hai trăm hai mươi ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó: Phí dịch vụ: 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng); Lãi chậm trả tính từ ngày 11.08.2017 đến ngày 27.3.2018 (ngày xét xử sơ thẩm) là 13.175.342 đồng (Mười ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa Công ty L và Công ty M thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Hải Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hợp đồng thi công xây dựng mà các bên đã giao kết là hợp đồng, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 74, 85 Luật thương mại năm 2005 nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là Công ty L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn Công ty M đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung theo trình bày của các bên đương sự thì: Ngày 10.7.2017 Công ty L cùng với Công ty M đã ký kết một hợp đồng dịch vụ pháp lý (sau đây gọi tắt là "HĐDVPL"), theo đó Công ty L cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý về những đề xuất sửa đổi, bổ sung hợp đồng thuê địa điểm và hợp đồng mua bán điện mà Công ty M đã ký kết với Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam và những dịch vụ tư vấn pháp lý khác. Thời gian cung cấp dịch vụ là một tháng tính từ 10/07/2017; Thời điểm thanh toán toàn bộ phí dịch vụ pháp lý là ngày 10.08.2017; Phí dịch vụ là 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng) chưa bao gồm thuế GTGT. Đến nay Công ty M vẫn chưa thanh toán.

[3] Đại diện theo pháp luật của công ty M thừa nhận có ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với công ty L như trên. Nguyên đơn cũng đã đưa ra các công việc đã thực hiện theo các điểm a, b, c, mục 1.1 Điều 1 của hợp đồng. Việc đại diện bị đơn cho rằng nguyên đơn chỉ tham gia vào quá trình đàm phán, hoàn toàn không giúp được bất cứ lợi ích nào ngoài việc gần như chỉ đi theo mà thôi, cũng như việc bị đơn cho rằng do vốn kiến thức ít ỏi về luật, không hiểu biết gì nên đã ký hợp đồng với L nhưng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Tại đơn khởi kiện và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 22.3.2018 nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm - ngày 27.3.2018 là 223.175.342 đồng (Hai trăm hai mươi ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng), chưa bao gồm thuế GTGT. Bao gồm: Phí dịch vụ: 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng) chưa bao gồm GTGT; Lãi chậm trả tính từ ngày 11.08.2017 đến ngày 27.3.2018: 13.175.342 đồng (Mười ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng) là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ: Nguyên đơn đã cung cấp các chứng cứ là các email thể hiện nội dung

tư vấn các điều khoản bất lợi trong hợp đồng cũng như có tham gia trong đàm phán, ký kết; Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía bị đơn không có phản hồi nào về việc nguyên đơn không thực hiện đúng hợp đồng cũng như các khoản phí theo hợp đồng. Sau khi thực hiện hợp đồng phía bị đơn cũng có gởi email xác nhận phí dịch vụ sẽ được chuyển khoản theo hai đợt, thời hạn sẽ thanh toán khoản tiền dịch vụ trong hợp đồng. Như vậy, việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng cam kết trong hợp đồng là vi phạm Điều 2 của hợp đồng. Do bị đơn vi phạm điều khoản thanh toán trong hợp đồng nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ khoản tiền phí dịch vụ và lãi suất do chậm thanh toán 10%/năm tính từ ngày 11.8.2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27.3.2018) theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005.

[5] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 223.175.342 đồng (Hai trăm hai mươi ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó: Phí dịch vụ: 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng); Lãi chậm trả tính từ ngày 11.08.2017 đến ngày 27.3.2018 (ngày xét xử sơ thẩm) là 13.175.342 đồng (Mười ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng) là có cơ sở nên cần được chấp nhận.

[6] Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 74, 75, 306 Luật thương mại 2005;
- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty L đối với Công ty TNHH M.

Xử: Buộc Công ty TNHH M phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty L số tiền 223.175.342 đồng (Hai trăm hai mươi ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng), trong đó: Phí dịch vụ: 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng) chưa bao gồm GTGT; Lãi chậm trả tính từ ngày 11.08.2017 đến ngày

27.3.2018: 13.175.342 đồng (Mười ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 11.158.767 đồng (Mười một triệu một trăm năm mươi tám ngàn bảy trăm sáu mươi bảy đồng) Công ty TNHH M phải chịu.

Công ty L không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty L 5.293.750 đồng (Năm triệu hai trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 009793 ngày 11.10.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử sơ thẩm công khai, các bên đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u>:
- *Viện kiểm sát Q. Hải Châu;*
- **TÒA**
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Thị Ngọc Thuỳ